

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 48

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 từ trang 7 đến trang 48 kèm theo.

KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 vào ngày 21 tháng 08 năm 2023 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Thông tin về trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602503768-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/02/2023, có địa chỉ tại: số 22 Đường Đình Núp, Phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận. Tại ngày 12/10/2023, Chi nhánh có Thông báo về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	
Ông Đinh Thế Hiển	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Ông Phạm Hợp Phố	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên độc lập HĐQT	

Ban Kiểm soát

Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	
Ông Vũ Anh Tài	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Bà Nguyễn Thị Trường San	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 07/04/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Bùi Thị Mai Hiền

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Châu.

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thứ - Chủ tịch.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP.HCM.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Văn Thư

Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 7 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Hội đồng Quản trị.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 9 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31/12/2023, Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu về hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Năng và Gió để chi tiền mua đất phát triển vùng nguyên liệu từ các cá nhân với số tiền là 48.232.109.589 đồng. Hiện tại các lô đất này chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý để chuyển quyền sở hữu sang tên theo quy định trên hợp đồng. Theo đó, chúng tôi chưa có cơ sở để đánh giá được khả năng thu hồi của khoản phải thu này, cũng như chưa có cơ sở để xác định những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1496-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP.HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Tuyết Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 3558-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		265.751.172.559	171.105.874.037
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.186.079.669	6.119.666.809
Tiền	111		8.186.079.669	6.119.666.809
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		250.622.255.557	162.454.048.183
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	44.802.915.727	45.785.470.907
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	34.267.256.097	73.028.007.130
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	81.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	103.860.265.714	49.665.373.377
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(13.308.181.981)	(6.024.803.231)
Hàng tồn kho	140	11	1.197.045.713	851.435.006
Hàng tồn kho	141		1.197.045.713	851.435.006
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.745.791.620	1.680.724.039
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	110.120.545	87.616.698
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.501.442.805	1.475.195.186
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	134.228.270	117.912.155
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		229.219.204.168	260.095.159.907
Các khoản phải thu dài hạn	210		180.000.000	375.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	180.000.000	375.000.000
Tài sản cố định	220		41.951.320.401	42.454.466.711
Tài sản cố định hữu hình	221	13	925.508.801	1.417.673.287
- Nguyên giá	222		3.307.863.183	5.541.867.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.382.354.382)	(4.124.194.042)
Tài sản cố định vô hình	227	14	41.025.811.600	41.036.793.424
- Nguyên giá	228		41.055.859.091	41.055.859.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(30.047.491)	(19.065.667)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	4.561.555.917
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	-	4.561.555.917
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	186.362.312.665	212.535.035.749
Đầu tư vào công ty con	251		197.300.000.000	202.200.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		20.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.000.000	25.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(30.962.687.335)	(11.689.964.251)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		725.571.102	169.101.530
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	725.571.102	169.101.530
TỔNG TÀI SẢN	270		494.970.376.727	431.201.033.944

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		135.471.295.713	129.514.868.215
Nợ ngắn hạn	310		135.471.295.713	129.514.868.215
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.960.794.578	49.768.823.118
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	22.085.958	74.927.922
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	127.470.163	163.590.265
Phải trả người lao động	314		1.241.559.690	1.027.404.033
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	707.835.782	457.688.413
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	4.916.499.520	2.023.772.409
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	121.634.016.524	75.737.921.325
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.861.033.498	260.740.730
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		359.499.081.014	301.686.165.729
Vốn chủ sở hữu	410	23	359.499.081.014	301.686.165.729
Vốn góp của chủ sở hữu	411		306.799.990.000	260.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		306.799.990.000	260.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.699.091.014	41.686.165.729
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(5.113.824.271)	21.719.854.038
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		57.812.915.285	19.966.311.691
TỔNG NGUỒN VỐN	440		494.970.376.727	431.201.033.944

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	233.907.107.223	192.746.555.905
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.917.077.796	1.070.375.801
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		224.990.029.427	191.676.180.104
Giá vốn hàng bán	11	26	173.823.477.585	147.569.910.561
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		51.166.551.842	44.106.269.543
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	78.154.370.154	23.057.650.530
Chi phí tài chính	22	28	30.272.464.310	15.396.448.032
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.114.631.254</i>	<i>5.076.942.224</i>
Chi phí bán hàng	25	29	16.375.487.555	13.963.271.945
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	21.757.583.157	17.819.176.273
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.915.386.974	19.985.023.823
Thu nhập khác	31	30	181.431.360	1.199.739.492
Chi phí khác	32	31	241.118.034	93.909.232
Lợi nhuận khác	40		(59.686.674)	1.105.830.260
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.855.700.300	21.090.854.083
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	73.683.882
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		60.855.700.300	21.017.170.201

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		60.855.700.300	21.090.854.083
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		503.146.310	702.016.941
Các khoản dự phòng	03		28.211.555.771	13.592.145.164
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(178.703.016)	2.497.817
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(77.562.273.636)	(22.734.581.008)
Chi phí lãi vay	06		9.114.631.254	5.076.942.224
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		20.944.056.983	17.729.875.221
(Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(48.542.484.600)	(56.144.572.459)
(Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(345.610.707)	1.170.399.287
Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả	11		4.260.359.135	20.413.671.356
(Tăng)/ Giảm chi phí trả trước	12		42.654.681	26.865.800
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.763.836.254)	(5.076.942.224)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(90.000.000)	(1.526.248.040)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(437.050.629)	(1.501.222.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(29.931.911.391)	(24.908.173.768)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.106.556.222)	(1.603.210.867)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		90.909.090	181.818.182
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	(20.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		11.202.024.570	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		30.734.101.039	30.739.759.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33.920.478.477	9.318.367.289

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		116.917.642.534	118.524.348.486
Tiền trả nợ gốc vay	34		(119.021.547.335)	(100.248.187.836)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.103.904.801)	18.276.160.650
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.884.662.285	2.686.354.171
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.119.666.809	3.458.826.570
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		181.750.575	(25.513.932)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	8.186.079.669	6.119.666.809

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Chủ tịch



Nguyễn Văn Thứ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 vào ngày 21 tháng 08 năm 2023 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 là 306.799.990.000 đồng, được chia thành 30.679.999 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602503768-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/02/2023, có địa chỉ tại: số 22 Đường Đình Núp, Phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận. Tại ngày 12/10/2023, Chi nhánh có Thông báo về việc chấm dứt hoạt động kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2023 là 35 người (tại 31/12/2022 là 50 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh buôn bán và kinh doanh bất động sản.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Không có đặc điểm hoạt động nào của công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

Công ty có 03 Công ty con và 01 Công ty liên kết như được nêu tại mục 16 của Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)

1.7.1 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được cho Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”), và Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Công ty đang trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Người sử dụng Báo cáo tài chính nên đọc Báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Hội đồng Quản trị cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng theo phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO (TIẾP)

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

4.8 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc, thiết bị	04
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 15
Phần mềm máy tính	05

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. TSCĐ vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.13 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.

4.14 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Công ty không trình bày thuyết minh này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 28 về “Báo cáo Bộ phận” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về Báo cáo bộ phận theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.198.808	53.016.173
Tiền gửi ngân hàng	8.184.880.861	6.066.650.636
Cộng	8.186.079.669	6.119.666.809

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	44.802.915.727	(13.280.181.981)	45.785.470.907	(6.024.803.231)
- Công ty CP Thực Phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	7.401.688.500	-	9.591.752.160	-
- Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	11.600.000.000	(11.600.000.000)	11.600.000.000	(5.800.000.000)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	25.801.227.227	(1.680.181.981)	24.593.718.747	(224.803.231)
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.037.709.000	-	3.950.328.300	-
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	1.037.706.000	-	950.325.300	-
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	3.000.003.000	-	3.000.003.000	-

(*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán Theo Hợp đồng chuyển nhượng. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã gửi đơn tố giác và được cơ quan chức năng nhận hồ sơ.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	34.267.256.097	-	73.028.007.130	-
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cảnh Đồng Việt	26.777.162.975	-	44.726.197.518	-
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	2.462.609.122	-	18.218.253.076	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	5.027.484.000	-	10.083.556.536	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	-	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	29.239.772.097	-	62.944.450.594	-
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cảnh Đồng Việt	26.777.162.975	-	44.726.197.518	-
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	2.462.609.122	-	18.218.253.076	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
- Công ty Cổ Phần Năng Và Gió (1)	46.000.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt (2)	35.000.000.000	-
Cộng	81.000.000.000	-

(1) Theo các hợp đồng cho vay tiền, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất, cụ thể như sau:

- + Hợp đồng số 01/2023 ngày 01/01/2023, thời hạn vay đến ngày 31/12/2024, số tiền vay là 18 tỷ, lãi suất cho vay là 5,7%.
- + Hợp đồng số 02/2023 ngày 01/07/2023, thời hạn vay đến ngày 31/12/2024, số tiền vay là 12 tỷ, lãi suất cho vay là 5,7%.
- + Hợp đồng số 03/2023 ngày 01/10/2023, thời hạn vay đến ngày 31/12/2024, số tiền vay là 16 tỷ, lãi suất cho vay là 5,7%.

(2) Theo hợp đồng cho vay tiền ngày 01/01/2023, thời hạn vay đến ngày 31/12/2024, lãi suất cho vay là 5,7%, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và đầu tư máy móc thiết bị.

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi khoản gốc cho vay và lãi cho vay tại Công ty Cổ phần Năng và Gió, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt.

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Ngắn hạn	103.860.265.714	49.665.373.377
<i>a. Tạm ứng</i>	<i>4.729.076.075</i>	<i>1.205.967.788</i>
<i>b. Phải thu khác</i>	<i>99.131.189.639</i>	<i>48.459.405.589</i>
- Phải thu đầu tư (1)	48.232.109.589	48.232.109.589
- Phải thu tiền cổ tức	43.196.750.000	-
+ Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	16.680.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	26.516.750.000	-
- Phải thu tiền lãi vay	3.583.035.000	-
+ Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt	1.989.534.000	-
+ Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	1.593.501.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô (2)	3.959.295.050	-
- Phải thu khác	160.000.000	227.296.000
Dài hạn	180.000.000	375.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(1) Đây là khoản hợp đồng hợp tác đầu tư dự án mua đất phát triển vùng nguyên liệu giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C và Công ty Cổ phần Năng và Gió theo Hợp đồng số 01/2021/HĐHTĐT/GC-SW ký ngày 07/08/2021 và Phụ lục số 01/PLHĐ/SW-GC ngày 08/08/2023.

(2) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô theo Thông báo về việc giải quyết thi hành án số 614/TB-CCTHADS ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành Án Dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng liên quan đến chi phí mua 2 căn hộ R1 - 1616 theo Hợp đồng số 2467/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 và căn hộ R1- 2414 theo Hợp đồng số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resortc-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại tổ hợp dự án CocoBay - Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô là Chủ đầu tư, có trụ sở tại 614 Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Ngoài ra, số tiền thu nhập cam kết và vi phạm hợp đồng phải thu là 1.563.747.791 đồng theo Thông báo này chưa đủ điều kiện ghi nhận trên báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***10. NỢ XẤU**

	Tại 31/12/2023			Tại 01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khoản phải thu khách hàng ngắn hạn quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.600.000.000	(11.600.000.000)	-	11.600.000.000	(5.800.000.000)	5.800.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh	3.684.260.465	(1.708.181.981)	1.976.078.484	449.606.462	(224.803.231)	224.803.231
Các khoản khác						
Cộng	15.284.260.465	(13.308.181.981)	1.976.078.484	12.049.606.462	(6.024.803.231)	6.024.803.231

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	1.197.045.713	-	851.435.006	-
Cộng	1.197.045.713	-	851.435.006	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	110.120.545	87.616.698
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.378.195	57.346.588
- Bảo hiểm xe	4.967.001	-
- Chi phí phần mềm	71.671.502	-
- Chi phí trả trước khác	28.103.847	30.270.110
Dài hạn	725.571.102	169.101.530
- Chi phí sửa chữa văn phòng	529.190.392	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	122.514.464	169.101.530
- Chi phí trả trước khác	73.866.246	-
Cộng	835.691.647	256.718.228

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2023	479.341.607	79.317.084	4.983.208.638	5.541.867.329
- Thanh lý, nhượng bán	(479.341.607)	(79.317.084)	(1.675.345.455)	(2.234.004.146)
Tại 31/12/2023	-	-	3.307.863.183	3.307.863.183
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2023	(418.076.273)	(79.317.084)	(3.626.800.685)	(4.124.194.042)
- Khấu hao trong năm	(61.265.334)	-	(430.899.152)	(492.164.486)
- Thanh lý, nhượng bán	479.341.607	79.317.084	1.675.345.455	2.234.004.146
Tại 31/12/2023	-	-	(2.382.354.382)	(2.382.354.382)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2023	61.265.334	-	1.356.407.953	1.417.673.287
Tại 31/12/2023	-	-	925.508.801	925.508.801

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 1.830.226.819 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 1.281.998.903 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là: 0 đồng (tại ngày 31/12/2022 là 78.078.385 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2023	41.000.950.000	54.909.091	41.055.859.091
Tại 31/12/2023	41.000.950.000	54.909.091	41.055.859.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2023	-	(19.065.667)	(19.065.667)
- Khấu hao trong năm	-	(10.981.824)	(10.981.824)
Tại 31/12/2023	-	(30.047.491)	(30.047.491)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2023	41.000.950.000	35.843.424	41.036.793.424
Tại 31/12/2023	41.000.950.000	24.861.600	41.025.811.600

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là: 41.000.950.000 đồng (tài ngày 31/12/2022 là 41.000.950.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Căn hộ Cocobay Đà Nẵng (*)	-	3.959.295.050
Dự án Spaceship Mart	-	539.480.667
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	62.780.200
Cộng	-	4.561.555.917

(*) Như đã thuyết minh tại số 9 theo Thông báo về việc giải quyết thi hành án số 614/TB-CCTHADS ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi Hành Án Dân sự Quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng liên quan đến chi phí mua 2 căn hộ R1 - 1616 theo Hợp đồng số 2467/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 và căn hộ R1- 2414 theo Hợp đồng số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resorte-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại tổ hợp dự án Cocobay - Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô là Chủ đầu tư. Theo đó, Công ty đã điều chỉnh số tiền đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô để mua 2 căn hộ sang khoản phải thu Công ty này do chưa được bàn giao căn hộ cũng như chưa được chuyển quyền sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 31/12/2023 (VND)			Tại 01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a. Đầu tư vào công ty con	197.300.000.000	(30.962.687.335)	166.337.312.665	202.200.000.000	(11.686.024.830)	190.513.975.170
+ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam (1)	39.800.000.000	-	39.800.000.000	39.800.000.000	-	39.800.000.000
+ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cảnh Đồng Việt (2)	69.500.000.000	-	69.500.000.000	69.500.000.000	-	69.500.000.000
+ Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura (3)	-	-	-	4.900.000.000	(1.655.453.937)	3.244.546.063
+ Công ty Cổ Phần Năng Và Gió (4)	88.000.000.000	(30.962.687.335)	57.037.312.665	88.000.000.000	(10.030.570.893)	77.969.429.107
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.000.000.000	-	20.103.105.832	20.000.000.000	(3.939.421)	19.996.060.579
+ Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn (5)	20.000.000.000	-	20.103.105.832	20.000.000.000	(3.939.421)	19.996.060.579
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.000.000	-	25.000.000	25.000.000	-	25.000.000
+ Công ty TNHH Matsumoto Farm (6)	25.000.000	-	25.000.000	25.000.000	-	25.000.000
d. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	-	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Cộng	217.325.000.000	(30.962.687.335)	186.465.418.497	224.225.000.000	(11.689.964.251)	212.535.035.749

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600714322 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 13 vào ngày 08 tháng 09 năm 2022 về việc thay đổi loại hình doanh nghiệp do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp. Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam là 39.800.000.000 VND, tương đương 99,5% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam là 99,5%. Kết quả kinh doanh năm 2023, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam có lãi và lợi nhuận lũy kế dương.
- (2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500577748 ngày 20 tháng 05 năm 2014 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, thay đổi lần thứ 7, ngày 21 tháng 06 năm 2021, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Thực Phẩm Ánh Đông Việt là 69.500.000.000 VND, tương đương 99,29% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Thực Phẩm Ánh Đông Việt là 99,29%. Kết quả kinh doanh năm 2023, Công ty CP Thực phẩm Ánh đông Việt có lãi và lợi nhuận lũy kế dương.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315459693 ngày 04 tháng 01 năm 2019 do Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 3, ngày 15 tháng 03 năm 2023, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura là 4.900.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty tiến hành giải thể và chấm dứt hoạt động tại ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định về việc giải thể doanh nghiệp số 24/2023/QĐ-GC ngày 20/10/2023 của Chủ sở hữu Công ty và Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp số 01/TB-PURA ngày 20/10/2023 của Công ty. Công ty đã nhận được Thông báo số 2293/TB-CCCTBTH ngày 07/02/2024 về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế đề nộp hồ sơ giải thể lên Sở Kế hoạch Tp. Hồ Chí Minh.
- (4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500624846 ngày 17 tháng 07 năm 2018 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, thay đổi lần thứ 5, ngày 08 tháng 06 năm 2022, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng và Gió là 88.000.000.000 VND, tương đương 88% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Năng và Gió là 88%. Kết quả kinh doanh năm 2023, Công ty Cổ phần Năng và Gió lỗ và lợi nhuận lũy kế âm. Công ty đã lập dự phòng theo tỷ lệ sở hữu.
- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500654985 ngày 07 tháng 04 năm 2022 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty mua cổ phần trong Công ty Cổ phần NGK nhiệt đới Sài Gòn là 20.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Năng và Gió là 88%. Kết quả kinh doanh năm 2023, Công ty mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Năng và Gió là 40%. Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hoạt động chính thức.
- (6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500647201 đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 02 năm 2021, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH Matsumoto Farm là 25.000.000 VND, tương đương 5% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Matsumoto Farm là 5%. Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hoạt động chính thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Thông tin bổ sung về công ty con	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	-	-	-	100,00%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Có Việt Nam	3.980.000	99,50%	3.980.000	99,50%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đông Việt	6.950.000	99,29%	6.950.000	99,29%
Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	8.800.000	88,00%	8.800.000	88,00%
Thông tin bổ sung về công ty liên kết	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	2.000.000	40,00%	2.000.000	40,00%

(*) Theo Nghị quyết của HĐQT số 24/2023/QĐ-HĐQT ngày 09/08/2023, Công ty tiến hành giải thể và chấm dứt hoạt động tại ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định về việc giải thể doanh nghiệp số 24/2023/QĐ-GC ngày 20/10/2023 của Chủ sở hữu Công ty và Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp số 01/TB-PURA ngày 20/10/2023 của Công ty. Công ty đã nhận được Thông báo số 2293/TB-CCTBTH ngày 07/02/2024 về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế để nộp hồ sơ giải thể lên Sở Kế hoạch Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

Thông tin bổ sung về công ty con, công ty liên kết (tiếp)	Vốn điều lệ tại 31/12/2023 (VND)	Vốn thực góp tại 31/12/2023 (VND)	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000	Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai, Việt Nam.	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dứa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cảnh Đông Việt	70.000.000.000	70.000.000.000	Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dứa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.
Công ty Cổ phần Năng Và Gió	100.000.000.000	100.000.000.000	Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	50.000.000.000	50.000.000.000	Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.960.794.578	3.960.794.578	49.768.823.118	49.768.823.118
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Có Việt Nam	2.969.914.300	2.969.914.300	48.220.912.680	48.220.912.680
- Công ty Cổ phần Banzai Tây Nguyên	-	-	342.384.380	342.384.380
- Công ty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G	197.429.843	197.429.843	341.512.041	341.512.041
- Phải trả người bán khác	793.450.435	793.450.435	864.014.017	864.014.017
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	2.971.872.487	2.971.872.487	48.236.522.655	48.220.912.680
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Có Việt Nam	2.969.914.300	2.969.914.300	48.220.912.680	48.220.912.680
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	1.958.187	1.958.187	15.609.975	-

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22.085.958	22.085.958	74.927.922	74.927.922
- Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Trần Anh	15.554.000	15.554.000	15.554.000	15.554.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	6.531.958	6.531.958	59.373.922	59.373.922
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	-
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 31/12/2023		Số phát sinh trong năm		Tại 01/01/2023	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	117.912.152	178.823.223	(178.823.220)	-	117.912.155
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.316.118	-	(90.000.000)	73.683.882	-
- Thuế thu nhập cá nhân	127.470.163	-	649.941.813	(612.378.033)	89.906.383	-
- Các khoản lệ phí, phạt thuế	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	127.470.163	134.228.270	831.765.036	(884.201.253)	163.590.265	117.912.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí thưởng	611.169.118	282.139.413
- Các khoản trích trước khác	96.666.664	175.549.000
Cộng	707.835.782	457.688.413

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	4.916.499.520	2.023.772.409
- Kinh phí công đoàn	45.752.520	66.516.076
- Lãi vay phải trả	3.350.795.000	-
- Phải trả, phải nộp khác	543.552.000	1.020.856.333
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	976.400.000	936.400.000
Dài hạn	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	4.916.499.520	2.023.772.409

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)***22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2023		Trong năm		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
	a. Vay ngắn hạn ngân hàng	121.634.016.524	121.634.016.524	164.917.642.534	119.021.547.335	75.737.921.325
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Mươi Tháng Tư (1)	49.121.314.024	49.121.314.024	92.404.940.034	113.269.062.751	69.985.436.741	69.985.436.741
- Ngân hàng thương mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa (2)	4.542.725.000	4.542.725.000	4.542.725.000	5.752.484.584	5.752.484.584	5.752.484.584
- Ngân hàng Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (3)	19.969.977.500	19.969.977.500	19.969.977.500	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam (4)	48.000.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000	-	-	-
b. Vay dài hạn ngân hàng	-	-	-	-	-	-
Cộng	121.634.016.524	121.634.016.524	164.917.642.534	119.021.547.335	75.737.921.325	75.737.921.325

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức 01/2023/11246269/HĐTD ngày 05/12/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Ba Mươi Tháng Tư và Công ty, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 70 tỷ đồng.
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Tài sản thế chấp được thể hiện bằng các hợp đồng cụ thể sau:
 - + Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2022/11246269/HĐBĐ ngày 08/06/2022;
 - + Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số 01/2023/11246269/HĐBĐ ngày 05/12/2023;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2023/11246269/HĐBĐ ngày 05/12/2023.
- Dư nợ đến ngày 31/12/2023: 49.121.314.024 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức 69/2023-HĐCVHM/NHCT682-GC ngày 26/10/2023 giữa Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam – CN KCN Biên Hòa và Công ty, thông tin cụ thể như sau:
- Hạn mức cho vay: 35 tỷ đồng
 - Thời hạn vay: 12 tháng.
 - Lãi suất vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
 - Tài sản thế chấp được thể hiện bằng các hợp đồng cụ thể sau:
 - + Hợp đồng thế chấp số 06-2013-GC/HDTC ngày 22/10/2013 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Lê Trần Thanh/Nguyễn Thị Bích;
 - + Hợp đồng thế chấp số 01-DATSONGTRAU/2018/HĐBĐ/NHCT682 ngày 27/06/2018 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/Bà Nguyễn Văn Thứ/Nguyễn Thị Thanh Tâm và Văn bản bảo lãnh ngày 26/06/2018;
 - + Hợp đồng thế chấp số 02/2023/HĐBĐ/NHCT682-NVTHU.BRVT ngày 02/08/2023 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/bà Nguyễn Văn Thứ/Nguyễn Thị Thanh Tâm và Văn bản bảo lãnh ngày 02/08/2023;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT682-BINHTHUAN ngày 13/6/2022 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng có liên quan (nếu có) giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Ông/bà Nguyễn Văn Thứ/Nguyễn Thị Thanh Tâm và Văn bản bảo lãnh ngày 13/6/2022;
 - + Hợp đồng thế chấp số 02/2020/HĐBĐ/NHCT682-KPT-GC ngày 09/11/2020 và các văn bản sửa đổi có liên quan giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa và Công ty CP thực phẩm G.C.
 - Dư nợ đến ngày 31/12/2023: 4.542.725.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(3) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 130-004-784205 ngày 27/10/2023 giữa Ngân hàng Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai và Công ty, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 20 tỷ đồng
- Thời hạn vay: không quá 6 tháng.
- Lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Tài sản thế chấp được thể hiện bằng các hợp đồng cụ thể sau:
 - + Hợp đồng thế chấp số: SHBVN/DN/2023/HDTC-17 ngày 23/10/2023 giữa Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ông/bà Nguyễn Văn Thử/Nguyễn Thị Thanh Tâm.
 - + Hợp đồng thế chấp số: SHBVN/DN/2023/HDTC-14 ngày 23/10/2023 giữa Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai và Ông/bà Nguyễn Văn Thử/Nguyễn Thị Thanh Tâm.
- Dư nợ đến 31/12/2023: 19.969.977.500 đồng.

(4) Là khoản vay theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/01/2023 giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam và Công ty, thông tin cụ thể như sau:

- Hạn mức cho vay: 48 tỷ đồng.
 - Thời hạn vay: 24 tháng.
 - Lãi suất vay 7%/năm.
 - Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng sản xuất kinh doanh.
 - Tài sản bảo lãnh là thửa đất số 40 theo tờ bản đồ số 10 địa chỉ tại 1505 Nguyễn Tất Thành, Phường Thành Khê, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng theo Hợp đồng bảo lãnh bằng giá trị quyền sử dụng đất số 01/HĐBLBGQTQSDĐ ngày 01/01/2023.
 - Dư nợ đến ngày 31/12/2023: 48.000.000.000 đồng.
- Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã tất toán toàn bộ số dư nợ vay và chi phí lãi vay cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	VND	VND	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2022	260.000.000.000	21.719.854.038	281.719.854.038	
- Lợi nhuận trong năm	-	21.017.170.201	21.017.170.201	
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	(1.050.858.510)	(1.050.858.510)	
Tại 31/12/2022	260.000.000.000	41.686.165.729	301.686.165.729	
Tại 01/01/2023	260.000.000.000	41.686.165.729	301.686.165.729	
- Lợi nhuận trong năm	-	60.855.700.300	60.855.700.300	
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2023	-	(3.042.785.015)	(3.042.785.015)	
- Chia cổ tức từ lợi nhuận lũy kế bằng cổ phiếu (*)	46.799.990.000	(46.799.990.000)	-	
Tại 31/12/2023	306.799.990.000	52.699.091.014	359.499.081.014	

(*) Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 306.799.990.000 đồng, được chia thành 30.679.999 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Văn Thứ	40,00%	122.720.000.000	40,00%	104.000.000.000
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	19,23%	59.001.180.000	19,23%	50.001.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	1,62%	4.956.000.000	1,62%	4.200.000.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Nga	1,68%	5.143.620.000	1,68%	4.359.000.000
Các cổ đông khác	37,47%	114.979.190.000	37,47%	97.440.000.000
Cộng	100%	306.799.990.000	100%	260.000.000.000

23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	260.000.000.000	260.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	46.799.990.000	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	306.799.990.000	260.000.000.000
Cổ tức đã chia bằng cổ phiếu (*)	46.799.990.000	-

(*) Chi tiết xem Thuyết minh số 23.1 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

23.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2023 Cổ phiếu	Tại 01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.679.999	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.679.999	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	30.679.999	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.679.999	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	30.679.999	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

24. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2023		Tại 01/01/2023	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	609.149.275	25,265.42	3.816.081.891	163,010.76
RUB	1.364.445	5,615.00	-	-

25. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a. Tổng Doanh thu	233.907.107.223	192.746.555.905
- Doanh thu bán hàng hóa	233.443.231.666	191.776.555.905
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	463.875.557	970.000.000
b. Doanh thu với các bên liên quan	509.236.060	4.383.306.328
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	337.347.197	906.710.835
- Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	93.600.183	216.805.584
- Công ty Cổ Phần Nắng Và Gió	78.288.680	259.786.909
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	-	3.000.003.000
c. Các khoản giảm trừ doanh thu	8.917.077.796	1.070.375.801
- Chiết khấu thương mại	6.366.323.375	714.757.709
- Giảm giá hàng bán	45.028.939	4.597.418
- Hàng bán bị trả lại	2.505.725.482	351.020.674

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	173.726.904.386	147.368.593.113
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	96.573.199	201.317.448
Cộng	173.823.477.585	147.569.910.561

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	3.719.136.039	139.711.974
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	461.781.099	653.938.556
Lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	178.703.016	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.794.750.000	22.264.000.000
Cộng	78.154.370.154	23.057.650.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	9.114.631.254	5.076.942.224
Dự phòng đầu tư	20.928.177.021	10.136.731.364
Chi phí tổn thất đầu tư	42.521.493	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	187.134.542	180.276.627
Lỗi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối năm	-	2.497.817
Cộng	30.272.464.310	15.396.448.032

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<i>Chi phí bán hàng</i>	<i>16.375.487.555</i>	<i>13.963.271.945</i>
Chi phí nhân viên	3.558.827.937	2.859.060.158
Chi phí vật liệu, bao bì	33.668.484	226.509.404
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	54.787.326	57.771.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.728.203.808	10.815.674.986
Chi phí bằng tiền khác	-	4.256.137
<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>21.757.583.157</i>	<i>17.819.176.273</i>
Chi phí nhân viên quản lý	8.346.987.540	7.489.698.763
Chi phí vật liệu, bao bì	258.931.878	305.332.497
Chi phí khấu hao TSCĐ	423.099.579	579.570.291
Thuế, phí và lệ phí	327.316.023	304.020.324
Chi phí dự phòng	7.283.378.750	3.455.413.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.354.495.327	4.307.172.619
Chi phí bằng tiền khác	763.374.060	1.377.967.979

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi thanh lý TSCĐ	90.909.090	330.869.034
Thanh lý công cụ dụng cụ	2.700.000	-
Thu nhập khác	87.822.270	868.870.458
Cộng	181.431.360	1.199.739.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

31. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thanh lý TSCĐ, CCDC	-	25.864.387
Tiền phạt vi phạm hành chính	24.286.457	29.111.000
Các khoản khác	216.831.577	38.933.845
Cộng	241.118.034	93.909.232

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.855.700.300	21.090.854.083
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế	(72.936.523.611)	(20.722.434.671)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	1.076.929.405	1.547.942.512
+ Chi phí không được trừ	1.070.552.222	1.547.942.512
+ Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm (tiền, phải thu)	6.377.183	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(74.013.453.016)	(22.270.377.183)
+ Cổ tức lợi nhuận được chia	(73.794.750.000)	(22.264.000.000)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm (tiền, phải thu)	(218.703.016)	(6.377.183)
Tổng thu nhập tính thuế trong năm	(12.080.823.311)	368.419.412
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	73.683.882

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	173.726.904.386	147.368.593.113
Chi phí nhân công	11.905.815.477	10.348.758.921
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.146.310	702.016.941
Thuế, phí và lệ phí	327.316.023	304.020.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.446.613.291	14.425.903.213
Chi phí bằng tiền khác	8.046.752.810	6.203.066.267
Cộng	211.956.548.297	179.352.358.779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng Và Gió	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy sản Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Thành viên HĐQT là đại diện pháp luật
Công ty Cổ Phần Fesdy	Thành viên HĐQT là đại diện pháp luật
Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoành Sứ	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Đinh Thế Hiền	Thành viên HĐQT độc lập

Trong năm, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	355.644.197	906.710.835
- Doanh thu thanh lý công cụ, dụng cụ	-	9.500.000
- Mua hàng hóa	82.157.623.359	68.864.223.282
- Thuê xe ô tô	92.592.595	-
- Thuê văn phòng	600.000.000	600.000.000
- Lãi vay	3.350.795.000	-
- Nhận cổ tức	34.874.750.000	11.144.000.000
2. Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	90.872.583	207.969.738
- Lãi tiền cho vay	1.989.534.000	-
- Thu nhập khác	2.087.188.989	-
- Mua hàng hóa	92.424.520.313	72.625.346.925
- Nhận cổ tức	38.920.000.000	11.120.000.000
3. Công ty Cổ phần Năng và Gió		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	80.654.680	266.664.116
- Lãi tiền cho vay	1.593.501.000	-
- Thanh lý công cụ, dụng cụ	-	647.437.000
- Mua hàng hóa	388.293.629	996.387.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
4. Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh		
- Góp vốn	4.000.000.000	-
- Chuyển nhượng cổ phần	4.000.000.000	-
5. Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh		
- Góp vốn	4.000.000.000	-
- Chuyển nhượng cổ phần	4.000.000.000	-
- Cho mượn	50.000.000	-
- Thu tiền cho mượn	50.000.000	-
6. Công ty TNHH An Hạnh Thông		
- Mua hàng hóa, dịch vụ	238.155.559	26.128.975
- Doanh thu thuần bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	-	3.000.003.000
7. Ông Nguyễn Văn Thứ		
- Tạm ứng	72.727.927.987	39.329.452.400
- Hoàn tạm ứng	71.822.418.116	38.329.452.400
8. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm		
- Tạm ứng	602.709.300	389.272.480
- Hoàn tạm ứng	244.429.150	396.112.480
9. Bà Bùi Thị Mai Hiên		
- Tạm ứng	50.000.000	96.413.979
- Hoàn tạm ứng	3.700.000	92.713.979
10. Ông Nguyễn Diệp Pháp		
- Tạm ứng	102.592.534	159.976.600
- Hoàn tạm ứng	93.202.045	169.367.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
1. Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam		
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	2.969.914.300	48.220.912.680
- Vay và nợ thuê tài chính	48.000.000.000	-
- Lãi vay phải trả	3.350.795.000	-
- Phải thu cổ tức	26.516.750.000	-
2. Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt		
- Phải thu tiền cho vay	35.000.000.000	-
- Phải thu tiền lãi cho vay	1.989.534.000	-
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	26.777.162.975	44.726.197.518
- Phải thu cổ tức	16.680.000.000	-
3. Công ty Cổ phần Năng và Gió		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.037.706.000	950.325.300
- Phải thu khác	48.232.109.589	48.245.453.589
- Phải thu tiền lãi cho vay	1.593.501.000	-
- Phải thu tiền cho vay	46.000.000.000	-
- Ứng trước tiền mua hàng hóa	2.462.609.122	18.218.253.076
4. Công ty TNHH An Hạnh Thông		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.000.003.000	3.000.003.000
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	1.958.187	15.609.975
5. Ông Nguyễn Văn Thứ		
- Tạm ứng	1.965.509.871	1.000.000.000
6. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm		
- Tạm ứng	351.440.150	(6.840.000)
7. Bà Bùi Thị Mai Hiên		
- Tạm ứng	50.000.000	3.700.000
8. Ông Nguyễn Diệp Pháp		
- Tạm ứng	-	(9.390.489)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

34. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc			
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị/Tổng Giám đốc	617.191.250	752.348.814
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng truyền thông	374.388.750	419.920.674
- Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng B2B	649.886.058	709.873.993
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế	622.285.999	645.725.667
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	84.000.000	-
- Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên	72.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	72.000.000	-
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	72.000.000	-
- Ông Lê Hoàng Sử	Thành viên	72.000.000	-
Thù lao của Ban Kiểm soát			
- Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban	49.999.995	29.999.997
- Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	31.666.668	19.999.998
Cộng		2.717.418.720	2.577.869.143

35. THÔNG TIN KHÁC

35.1 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo)

35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

35.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Công ty TNHH Thực phẩm Cô Cô Việt Nam số TVP01-2020/GC-CC ngày 01/01/2020 và Phụ lục Hợp đồng số 01.2021/PLHD/TVP01-2020/GC-CC về việc gia hạn hợp đồng thuê từ 01/01/2021 đến 31/12/2025, giá thuê 50.000.000 đồng/tháng (ổn định trong 05 năm).
- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Ông Nguyễn Thanh Tùng ký ngày 11/09/2023. Thời gian thuê 05 năm từ 12/01/2023 đến 11/01/2028. Giá thuê 02 năm đầu (từ 11/09/2023 đến 11/01/2025) là 87.000.000 đồng/tháng; giá thuê 02 năm tiếp theo (từ 12/01/2025 đến 11/01/2027) là 95.700.000 đồng/tháng; giá thuê năm thứ 05 (từ 12/01/2027 đến 11/01/2028) là 100.485.000 đồng/tháng.

35.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu



Nguyễn Văn Thứ

